

Số: 94 /BC-UBND

Kiên Giang, ngày 21 tháng 3 năm 2022

**BÁO CÁO**

**V/v thực hiện chính sách pháp luật về quản lý nuôi, chế biến thủy sản và kiểm soát khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định giai đoạn 2018- 2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.**

**(Phục vụ cho giám sát của Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường – Quốc hội khóa XV)**

Thực hiện Công văn số 396/UBKHCNMT15 ngày 19/01/2022 của Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường- Quốc hội khóa XV về việc đề nghị báo cáo phục vụ giám sát việc thực hiện chính sách pháp luật về quản lý nuôi, chế biến thủy sản và kiểm soát khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định.

Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang báo cáo việc thực hiện chính sách pháp luật về quản lý nuôi, chế biến thủy sản và kiểm soát khai thác thủy sản bất hợp pháp, không khai báo và không theo quy định giai đoạn 2018 – 2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang như sau:

**I. VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ NUÔI, CHẾ BIẾN THỦY SẢN GIAI ĐOẠN 2018-2021**

**1. Đánh giá việc ban hành chính sách pháp luật về nuôi, chế biến thủy sản**

**1.1. Các văn bản chỉ đạo của Đảng**

Thực hiện Chỉ thị số 08-CT/TW, ngày 21/10/2011 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với vấn đề an toàn thực phẩm trong tình hình mới; Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban chấp hành Trung ương Đảng về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Tỉnh ủy Kiên Giang đã cụ thể hóa tại địa phương:

**a) Về lĩnh vực nuôi trồng thủy sản**

- Chương trình hành động số 47-CTr/TU ngày 21/02/2019 của Tỉnh ủy Kiên Giang về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết số 944-NQ-BCSD ngày 25/11/2019 của Ban Cán sự Đảng bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

b) Về lĩnh vực chế biến thủy sản

- Kế hoạch số 55-KH/TU, ngày 11/5/2012 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị số 08-CT/TW, ngày 21-10-2011 của Ban Bí thư (khóa XI) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với vấn đề an toàn thực phẩm trong tình hình mới.

- Kế hoạch số 77-KH/TU, ngày 09/5/2017 của Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 11-KL/TW ngày 19/01/2017 của Ban Bí thư (khóa XII) về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 08-CT/TW của Ban Bí thư (khóa XI) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với vấn đề an toàn thực phẩm trong tình hình mới.

- Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 07/12/2020 của Tỉnh ủy Kiên Giang về việc thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Bên cạnh đó, về phát triển nhân lực cho hoạt động nuôi, chế biến thủy sản trên địa bàn tỉnh theo Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 06/6/2014 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đào tạo nhân lực có tay nghề cao, Kiên Giang đã ban hành Nghị quyết số 43/2016/NQ-HĐND ngày 01/8/2016 về việc đào tạo nghề cho lao động nông thôn giai đoạn 2016 – 2020.

**1.2. Các văn bản quy phạm pháp luật về nuôi, chế biến thủy sản (số lượng văn bản, loại văn bản; tính thống nhất, khả thi)**

a) Về lĩnh vực nuôi trồng thủy sản

- Nghị quyết số 100/2017/NQ-HĐND ngày 20/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội tỉnh Kiên Giang đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

b) Về lĩnh vực chế biến thủy sản

- Nghị quyết số 47/2013/NQ-HĐND ngày 06/12/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về ban hành chính sách hỗ trợ phát triển công nghiệp chế biến nông sản, thủy sản xuất khẩu trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2020.

- Quyết định số 16/2014/QĐ-UBND ngày 11/3/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định về chính sách hỗ trợ phát triển công nghiệp chế biến nông sản, thủy sản xuất khẩu trên địa bàn tỉnh đến năm 2020.

**1.3. Ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn về quản lý nuôi, chế biến thủy sản (số lượng tiêu chuẩn, quy chuẩn; lĩnh vực quản lý)**

Về nội dung này không thuộc thẩm quyền ban hành của tỉnh.

**1.4. Đánh giá việc ban hành chính sách pháp luật về nuôi, chế biến thủy sản: Kết quả ban hành; tính kịp thời, đầy đủ; sự phù hợp với Hiến pháp, luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội; sự phù hợp của hình thức văn bản với nội dung văn bản; sự phù hợp của nội dung văn bản với thẩm quyền của cơ quan ban hành văn bản; tính thống nhất với hệ thống pháp luật có liên quan...**

- Nhìn chung, việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, Quy chuẩn Việt Nam về cơ bản kịp thời, đầy đủ và tuân thủ chặt chẽ theo đúng quy định của pháp luật (đảm tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất của văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật; tuân thủ đúng thẩm quyền) và phù hợp với thực tiễn địa phương. Các văn bản quy phạm pháp luật trước khi ban

hành đều được tổ chức lấy ý kiến và đăng tải dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, nhằm đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, khả thi, tạo cơ chế và trách nhiệm để các cơ quan quản lý phối hợp thực hiện.

- Việc ban hành các văn bản và chỉ đạo điều hành của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh trong thời gian qua phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, kịp thời điều chỉnh những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện các chính sách về nuôi trồng thủy sản, chế biến thủy sản gắn với đảm bảo an ninh- quốc phòng. Với sự chỉ đạo quyết liệt của Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, đã tạo được niềm tin trong nhân dân, thu hút được nhiều người dân tham gia phát triển thủy sản.

Tuy nhiên, vẫn còn một số khó khăn nhất định trong quá trình triển khai, cụ thể: việc triển khai chính sách pháp luật gặp khó khăn do khả năng tiếp nhận thông tin của người dân không đồng đều; vùng nuôi trồng thủy sản khá rộng, không tập trung nên việc hướng dẫn người dân gặp nhiều khó khăn; kinh phí cho công tác tuyên truyền, vận động người dân còn hạn chế.

## **2. Đánh giá việc thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý nuôi, chế biến thủy sản, tập trung vào các nội dung**

### **2.1. Quy hoạch; đầu tư hạ tầng cho nuôi, chế biến thủy sản nói chung và khu, vùng nuôi, chế biến thủy sản tập trung nói riêng**

#### **a) Về lĩnh vực nuôi trồng thủy sản**

- Thực hiện Chương trình hành động số 06-CTr/TU ngày 08/3/2016 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội X Đảng bộ tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Chương trình số 377/CTr-UBND ngày 19/10/2016 về phát triển hạ tầng về điện phục vụ sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản tập trung giai đoạn 2016-2020; trong đó, thực hiện lồng ghép từ Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2015-2020 (phần cấp điện trạm bơm nông nghiệp là 756 tỷ đồng). Đến nay, dự án vẫn chưa được Trung ương bố trí vốn và Bộ Công Thương đang trình quyết định chủ trương đầu tư công cho “Cấp điện nông thôn miền núi và hải đảo giai đoạn 2021-2025”. Trong giai đoạn 2016-2020, tỉnh đã đầu tư khoảng 18 km trung thế, 19 trạm biến áp với tổng dung lượng 14.870 kVA, tổng vốn đầu tư là 32,5 tỷ đồng, phục vụ cho diện tích nuôi tôm công nghiệp khoảng 500 ha từ nguồn vốn đầu tư công của tỉnh và nguồn vốn tạm ứng cho ngành điện.

- Về quy hoạch vùng nuôi trồng thủy sản toàn tỉnh đến năm 2030 đạt 288.260 ha; trong đó, nuôi tôm nước lợ 145.440 ha (tôm thâm canh (TC)- bán thâm canh (BTC) 6.370 ha, tôm lúa 117.340 ha (tôm càng xanh 40.000 ha), tôm quảng canh cải tiến (QCCT) 21.730 ha), nuôi cua biển 86.590 ha, nuôi nhuyễn thể 26.900 ha và nuôi thủy sản lồng bè trên biển 14.000 lồng (9.310.000 m<sup>3</sup>), nuôi thủy sản nước ngọt và đối tượng khác 29.130 ha.

- Sản lượng nuôi trồng thủy sản đến năm 2030 ước đạt 484.780 tấn. Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2030 là 4,96%/năm. Trong đó, tôm nước lợ đạt trên 159.345 tấn (tôm TC-BTC 78.480 tấn, tôm lúa 70.675 tấn (tôm càng xanh 24.000 tấn), tôm QCCT 10.190 tấn), nuôi cua biển 32.080 tấn, nuôi

nhuẩn thể 101.460 tấn, nuôi thủy sản lồng bè trên biển 105.690 tấn, nuôi thủy sản nước ngọt và đối tượng thủy sản khác 86.205 tấn.

- Được sự quan tâm của Trung ương, địa phương về công tác quy hoạch, đầu tư hạ tầng nuôi trồng thủy sản nên hệ thống cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản được tập trung đầu tư xây dựng, đáp ứng nhu cầu sản xuất và dân sinh; đời sống vật chất và văn hóa của người dân nông thôn được nâng lên; từng bước giảm dần khoảng cách thu nhập người dân thành thị và nông thôn.

- Tuy công tác quy hoạch, đầu tư cơ sở hạ tầng được chú trọng triển khai trong thời gian qua nhưng vẫn còn một số khó khăn, hạn chế như: Cơ sở hạ tầng cho nuôi trồng thủy sản chưa theo kịp theo nhu cầu của người nuôi; các đối tượng thủy sản nuôi mới chưa có vùng quy hoạch nuôi; việc triển khai các giải pháp trong thực hiện quy hoạch chưa được đồng bộ và hiệu quả chưa cao.

#### b) Về lĩnh vực chế biến thủy sản

- Trong thời gian vừa qua, Trung ương chưa ban hành chính sách riêng đối với lĩnh vực chế biến thủy sản mà lồng ghép trong các chính sách chung về đầu tư, phát triển các ngành công nghiệp. Do đó, trên địa bàn tỉnh chủ yếu thực hiện hỗ trợ phát triển ngành chế biến thủy sản theo Quyết định số 16/2014/QĐ-UBND ngày 11/3/2014 của UBND tỉnh. Qua quá trình triển khai thực hiện đã thu hút được 02 dự án đầu tư nhà máy chế biến thủy sản quy mô lớn, với tổng vốn đầu tư khoảng 452 tỷ đồng. Trong đó, đã hỗ trợ cho doanh nghiệp thực hiện đầu tư đổi mới, nâng cấp máy móc thiết bị và công nghệ, với số tiền hơn 06 tỷ đồng; được sự hỗ trợ từ chính sách các doanh nghiệp đã từng bước đầu tư, mở rộng sản xuất, nâng cao chất lượng, mẫu mã sản phẩm và mở rộng thị trường tiêu thụ; tuy nhiên, hiện nay chính sách này đã ngừng thực hiện do vướng các quy định của WTO.

- Đối với quy hoạch, đầu tư hạ tầng cho chế biến thủy sản: Theo Quyết định số 2368/QĐ-UBND ngày 25/10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016-2020, có xét đến năm 2025". Trên địa bàn tỉnh Kiên Giang quy hoạch 01 cụm công nghiệp chuyên ngành về chế biến thủy sản, diện tích 30 ha tại xã Bình An huyện Châu Thành. Hiện nay, Sở Công Thương đang phối hợp với các ngành liên quan triển khai đẩy nhanh tiến độ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp này theo mục tiêu của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025.

## 2.2 Về điều kiện môi trường đối với cơ sở nuôi, chế biến thủy sản.

### a) Về lĩnh vực nuôi trồng thủy sản

- Hiện nay, các mô hình nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Kiên Giang phần lớn là nuôi theo hình thức quảng canh cải tiến, lượng chất thải thải ra môi trường không đáng kể nên không ảnh hưởng nhiều đến công tác bảo vệ môi trường. Các cơ sở nuôi trồng thủy sản theo hướng công nghiệp trước khi được cấp phép đều có báo cáo đánh giá tác động môi trường do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Đa số các tổ chức, cá nhân có hoạt động nuôi trồng thủy sản đều tuân thủ các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, một số cơ



sở chưa tuân thủ đầy đủ quy định bảo vệ môi trường (xả thải ra môi trường tự nhiên,...) do chi phí để xử lý môi trường cao. Việc phát hiện các tổ chức, cá nhân không chấp hành quy định bảo vệ môi trường còn thấp, mức độ hiểu biết về ảnh hưởng môi trường đến nuôi trồng thủy sản của người dân chưa cao.

- Các văn bản quy phạm pháp luật khi ban hành đều thể hiện công tác bảo vệ môi trường, có tính đồng bộ, thống nhất cao. Tuy nhiên, một số văn bản chuyên môn để hướng dẫn các thủ tục hành chính chưa thể hiện chi tiết về công tác bảo vệ môi trường.

**b) Về lĩnh vực chế biến thủy sản**

- Nhận định sâu sắc về vai trò và tầm quan trọng của công tác bảo vệ môi trường trong quá trình phát triển kinh tế, xã hội địa phương, Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các ngành chức năng cần ưu tiên xem xét yếu tố môi trường khi tiến hành thẩm định đề cấp, cấp lại giấy phép đầu tư, đặc biệt không cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với các dự án có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao trong nội thành, nội thành. Từ năm 2018 đến nay, các sở ngành chức năng của tỉnh phối hợp rất chặt chẽ trong công tác thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, kiểm tra việc vận hành hành thủ nghiệm công trình bảo vệ môi trường, kiểm tra xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt, đặc biệt công tác phối hợp khi tiến hành kiểm tra việc chấp hành Luật Bảo vệ môi trường đối với các cơ sở chế biến thủy sản đang hoạt động, giải quyết dứt điểm các đơn yêu cầu, khiếu nại của người dân về việc xả chất thải gây ô nhiễm môi trường của các nhà máy chế biến thủy sản.

- Trong giai đoạn 2018-2021, đã tiến hành kiểm tra, thanh tra 91 lượt cơ sở chế biến thủy sản trên địa bàn tỉnh, xử phạt vi phạm hành chính 14 cơ sở với số tiền 2.987.000.000 đồng với hành vi vi phạm về quy định bảo vệ môi trường.

**2.3. Về quy trình nuôi, chế biến thủy sản; quan trắc môi trường đầu vào (nước, đất,...); trang thiết bị kiểm soát môi trường nuôi, chế biến thủy sản**

**a) Về lĩnh vực nuôi trồng thủy sản**

- Các đối tượng thủy sản nuôi đều đã có quy trình nuôi được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tổng cục Thủy sản thẩm định và ban hành. Địa phương đã tăng cường tổ chức tuyên truyền, khuyến khích người nuôi tuân thủ, áp dụng theo quy trình để có năng suất, hiệu quả kinh tế trong quá trình nuôi các loài thủy, hải sản. Bên cạnh đó, địa phương cũng xây dựng các quy trình nuôi phù hợp với điều kiện, tự nhiên của vùng thông qua các đề tài, đề án do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu chủ trì thực hiện.

- Việc áp dụng các quy trình nuôi thủy, hải sản đã mang lại hiệu quả kinh tế cao do giảm chi phí đầu tư, tăng năng suất. Tuy nhiên, các quy trình nuôi thủy hải sản do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tổng cục Thủy sản xây dựng cần cải tiến để phù hợp với điều kiện tự nhiên của từng địa phương; việc ban hành các quy trình, kỹ thuật nuôi thủy, hải sản chưa theo kịp thị hiếu nuôi đối tượng mới của người dân.

**b) Về lĩnh vực chế biến thủy sản**

Về quy trình, loại hình cơ sở chế biến thủy sản được thực hiện theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Y tế ban hành.

**2.4. Nghiên cứu, ứng dụng khoa học trong quan trắc, cảnh báo, xử lý ô nhiễm môi trường nuôi, chế biến thủy sản; kiểm soát các yếu tố ảnh hưởng đến môi trường nuôi thủy sản**

**a) Về lĩnh vực nuôi trồng thủy sản**

- Trong giai đoạn năm 2018-2021, địa phương đã thực hiện Đề tài Nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật nuôi tôm chân trắng (*Litopenaeus vannamei*) công nghiệp đạt tiêu chuẩn VietGAP trên địa bàn tỉnh Kiên Giang nhằm ứng dụng khoa học, kỹ thuật vào nuôi trồng thủy sản, các mô hình thực hiện đều cho năng suất cao trung bình 32,9 tấn/ha.

- Từ năm 2018-2020, hàng năm căn cứ theo lịch thủy triều, mỗi năm thực hiện từ 24 - 27 đợt quan trắc môi trường bằng phương pháp thủ công tại 20 điểm đầu nguồn cấp nước phục vụ các vùng nuôi tôm nước lợ trọng điểm của tỉnh và tại 09 điểm của 03 vùng nuôi cá lồng bè tập trung của xã Hòn Nghê (Kiên Lương), Nam Du (Kiên Hải), Tiên Hải (Hà Tiên) nhằm kịp thời thông báo, khuyến cáo biện pháp xử lý phù hợp. Tổng cộng trong 04 năm đã thực hiện 79 đợt quan trắc, cảnh báo môi trường và có 22.932 lượt thông số môi trường, vi khuẩn *Vibrio sp*, *Vibrio parahaemolyticus* được đo đạc, phân tích, đạt 100% kế hoạch. Kết quả quan trắc đã được phát hành không quá 72 giờ kể từ thời điểm quan trắc đến các cơ quan quản lý NTTS cấp trung ương, tỉnh, huyện liên quan, hệ thống Tổ Kinh tế kỹ thuật cấp xã và người dân thông qua các kênh website của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, bản tin trên Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh và đến Ủy ban nhân dân xã nơi thực hiện quan trắc phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo sản xuất và chủ động ứng phó, điều tiết của người nuôi tôm góp phần phát triển hiệu quả ngành NTTS của tỉnh.

- Từ tháng 6/2020 đến nay, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã đầu tư và giao cho Chi cục Chăn nuôi và Thú y quản lý, vận hành hệ thống trạm quan trắc tự động môi trường nước nuôi trồng thủy sản kết hợp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Hệ thống này bao gồm 07 trạm quan trắc với trang thiết bị tự động, hiện đại đặt tại các điểm cấp nước, vùng nuôi thủy sản trọng điểm thuộc các huyện Hà Tiên, Kiên Lương, An Biên, An Minh, Vĩnh Thuận, Kiên Hải. Thông tin dữ liệu quan trắc chất lượng nước được cập nhật liên tục 05 phút/lần với 11-13 chỉ tiêu quan trắc/điểm. Kết quả quan trắc từ hệ thống được đăng tải trên website ngành nông nghiệp, trên App nên người dân có thể truy cập trực tiếp từ các thiết bị di động như máy tính xách tay, điện thoại thông minh...

- Đây là hệ thống gồm các trang thiết bị hiện đại theo công nghệ G7 (châu Âu), sử dụng chủ yếu các Sensor cảm biến để đo pH, nhiệt độ, DO, độ kiềm, độ đục, độ mặn, COD, TSS, amoni, nitrit, phát phát tự động theo lập trình thiết lập và có bộ lưu mẫu tự động SP-5B (có thể điều khiển lấy mẫu từ xa khi cần thiết), phần mềm hiển thị công bố dữ liệu Triple-D và Envista Web.

- Tuy nhiên, qua thời gian sử dụng cho thấy hệ thống vận hành chưa ổn định, số liệu đo nhiều thời điểm thiếu độ tin cậy, máy móc, thiết bị dễ bị bám bẩn nếu không được vệ sinh, hiệu chuẩn kịp thời (từ 01-02 lần/tuần) nên vẫn cần có sự tác động, điều khiển thường xuyên của người vận hành nên phát sinh nhu cầu biên chế, chi phí quản lý, vận hành, thay thế, sửa chữa, khắc phục sự cố.

**b) Về lĩnh vực chế biến thủy sản**

Trên cơ sở yêu cầu về kiểm soát môi trường theo báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của dự án nhà máy chế biến thủy sản, cơ sở chế biến thủy sản trách nhiệm thực hiện đúng nội dung báo cáo ĐTM được phê duyệt trong việc kiểm soát các yếu tố ảnh hưởng đến môi trường. Định kỳ 03 tháng/lần quan trắc nước thải tại điểm xả thải cuối trước khi ra môi trường, làm cơ sở dữ liệu lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm và gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định; hàng quý kê khai, nộp phí bảo vệ môi trường đúng quy định.

**2.5. Xử lý chất thải trong nội bộ cơ sở nuôi, chế biến thủy sản (đầu tư cho công tác xử lý, vận hành thiết bị...); việc tuân thủ quy định pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn về xử lý chất thải, nước thải trong hoạt động nuôi, chế biến thủy sản**

- Công tác quản lý chất thải nội bộ cơ sở nuôi và chế biến thủy sản được trình bày chi tiết trong các hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đúng nội dung báo cáo ĐTM được phê duyệt, đầu tư công trình thu gom, xử lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động, đặc biệt nước thải sản xuất, nước thải từ ao nuôi phải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận.

- Bên cạnh, các tổ chức, cá nhân có hoạt động nuôi trồng thủy sản đều tuân thủ các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, có hệ thống ao nuôi phù hợp như ao lắng nước, ao xử lý chất thải nội bộ thì một số cơ sở nuôi nhỏ lẻ, nuôi quảng canh cải tiến chưa tuân thủ đầy đủ các quy định về xử lý chất thải trong nuôi trồng thủy sản, tự ý đưa chất thải ra môi trường bên ngoài gây ảnh hưởng môi trường khu vực nuôi.

**2.6. Hệ thống tổ chức quản lý; phân công thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về quản lý nuôi, chế biến thủy sản; kết quả thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm**

**a) Về lĩnh vực nuôi trồng thủy sản**

- Hệ thống tổ chức quản lý, phân công thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về nuôi trồng thủy sản của tỉnh là Chi cục Thủy sản trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Đối với chức năng quản lý nhà nước về nuôi trồng thủy sản cấp huyện do Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Kinh tế trực thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện.

- Từ năm 2018 đến năm 2021, Chi cục Thủy sản tổ chức 09 đoàn thanh tra chấp hành pháp luật về sản xuất, kinh doanh con giống, thức ăn và sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư phục vụ nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Kết quả thanh tra tại 435 cơ sở sản xuất, kinh doanh con giống, thức ăn và sản phẩm xử lý môi

trường nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh, phát hiện và lập biên bản vi phạm hành chính đối với 99 trường hợp vi phạm trong hoạt động nuôi trồng thủy sản, với số tiền phạt là 733.350.000 đồng. Đồng thời, Thanh tra Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện 11 đoàn thanh tra đột xuất tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư thủy sản tại các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

**b) Về lĩnh vực chế biến thủy sản**

- Hệ thống quản lý nhà nước về quản lý chế biến thủy sản gồm 02 cấp, cụ thể là cấp Trung ương và cấp tỉnh: Đối với cơ sở chế biến thủy sản xuất khẩu sang các quốc gia, vùng lãnh thổ có yêu cầu chứng nhận y tế do Cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và thủy sản quản lý; đối với cơ sở chế biến thủy sản xuất khẩu sang các quốc gia, vùng lãnh thổ không yêu cầu chứng nhận y tế và tiêu thụ nội địa do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý.

- Hệ thống tổ chức quản lý, phân công thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về chế biến thủy sản của tỉnh do Chi cục Quản lý chất lượng nông, lâm sản và thủy sản trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý. Đồng thời, Ủy ban nhân dân tỉnh đã phân công các cơ quan chịu trách nhiệm quản lý về an toàn thực phẩm, cụ thể như sau:

+ Cấp tỉnh: Chi cục Quản lý chất lượng nông, lâm sản và thủy sản- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý cơ sở thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

+ Cấp huyện: quản lý những cơ sở chế biến thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

- Từ năm 2018 đến năm 2021, Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và Thủy sản đã tổ chức 206 đoàn thẩm định với 743 lượt thẩm định và cấp 484 giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm. Đồng thời, đã thực hiện 20 đoàn thanh tra, kiểm tra quy định về an toàn thực phẩm đối với 214 cơ sở chế biến thủy sản, xử lý 22 trường hợp vi phạm với số tiền phạt là 2.516.541.000 đồng.

**2.7. Chính sách về đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển nuôi và chế biến thủy sản; quản lý nuôi và khai thác thủy sản.**

- Năm 2017, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 104/2017/NQ-HĐND ngày 20/7/2017 về Đề án phát triển nguồn nhân lực tỉnh Kiên Giang đến năm 2020 và những năm tiếp theo.

Tính đến hết năm 2020, toàn tỉnh có tỷ lệ lao động được đào tạo là 67%, trong đó lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ là 50%.

Đối với Chi cục Thủy sản, đã cử 01 cán bộ đi đào tạo và bảo vệ xong luận án tiến sĩ chuyên ngành nuôi trồng thủy sản năm 2021.

- Bên cạnh đó, công tác đào tạo nghề theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020 và Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng, đã thực hiện đào tạo cho 45.603 lao động nông thôn; đào tạo theo Kế hoạch số 106/KH-UBND ngày 11/11/2014 của UBND

tính về đào tạo lao động có tay nghề làm việc tại các khu, cụm công nghiệp và khu du lịch đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang là 5.078 người.

## **II. VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT VỀ KIỂM SOÁT KHAI THÁC THỦY SẢN BẤT HỢP PHÁP, KHÔNG BÁO CÁO VÀ KHÔNG THEO QUY ĐỊNH**

**1. Đánh giá việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý khai thác thủy sản bất hợp pháp, không khai báo và không theo quy định.**

### ***1.1. Các quy định của EC về kiểm soát khai thác thủy sản bất hợp pháp, không khai báo và không theo quy định.***

- Năm 2008, Ủy ban Châu Âu (EC) ban hành Quy định số 1005/2008 về chống khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (khai thác IUU). Theo quy định này, các quốc gia xuất khẩu sản phẩm khai thác vào thị trường Châu Âu (EU) phải tuân thủ các quy định về khai thác IUU. Theo đó, tỉnh Kiên Giang - Việt Nam đã có nhiều nỗ lực triển khai thực hiện các quy định về khai thác IUU của EC; tuy nhiên hoạt động quản lý khai thác thủy sản của Việt Nam chưa đáp ứng được các yêu cầu của EC về việc thực hiện quy định khai thác IUU. Cụ thể, ngày 23/10/2017, EC đã áp dụng biện pháp cảnh báo đối với sản phẩm thủy sản khai thác của Việt Nam xuất khẩu vào thị trường EU (Thẻ vàng) đã tác động và ảnh hưởng rất lớn đối với sản phẩm thủy sản Việt Nam khi xuất khẩu vào thị trường EU. Cảnh báo này cũng là điều kiện để ngành khai thác thủy sản của Việt Nam nói chung và tỉnh Kiên Giang nói riêng đánh giá lại thực trạng, tổ chức lại sản xuất, hoàn thiện hệ thống quản lý nghề cá để hướng tới mục tiêu phát triển bền vững và hiệu quả.

- Ngày 07- 08/11/2019 đoàn Thanh tra của EC đã kiểm tra tại Kiên Giang về tình hình triển khai thực hiện 04 nhóm khuyến nghị mà phía EC đã đưa ra theo kết quả đợt kiểm tra vào tháng 5/2018. Kết quả Đoàn Thanh tra của EC đánh giá cao những nỗ lực của Việt Nam nói chung và của Kiên Giang nói riêng trong việc thực hiện các khuyến nghị, đồng thời có những bước đi đúng hướng.

### ***1.2. Các quy định của pháp luật Việt Nam về quản lý khai thác thủy sản bất hợp pháp, không khai báo và không theo quy định.***

- Ngay sau khi EC cảnh báo “Thẻ vàng” đối với sản phẩm thủy sản khai thác của Việt Nam xuất khẩu vào thị trường Châu Âu; đồng thời, trên cơ sở Luật Thủy sản năm 2017 được ban hành và các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương. Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang đã ban hành nhiều các văn bản triển khai thực hiện quyết liệt các giải pháp để khắc phục khuyến nghị của EC về khai thác IUU, cụ thể:

+ Nghị quyết số 34-NQ/TU ngày 13/7/2020 của Ban chấp hành Tỉnh ủy về tăng cường các giải pháp quản lý ngăn chặn, chấm dứt tàu cá và ngư dân trong tỉnh vi phạm vùng biển nước ngoài để khai thác hải sản trái pháp luật trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

+ Thông báo Kết luận số 300-TB/TU ngày 13/5/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, về kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kết quả giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 34-NQ/TU của Tỉnh ủy.

+ Chỉ thị số 2937/CT-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh Kiên Giang về triển khai thực hiện các giải pháp cấp bách để khắc phục cảnh báo của Ủy ban Châu Âu về chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU) tại tỉnh Kiên Giang;

+ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 16/7/2019 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc thành lập Ban Chỉ đạo về chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định tỉnh Kiên Giang;

+ Quyết định số 954/QĐ-UBND ngày 17/4/2020 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc ban hành Quy trình xử lý tàu cá vi phạm vùng biển nước ngoài để khai thác thủy sản và các hành vi vi phạm khác phát hiện qua hệ thống giám sát hành trình trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

+ Kế hoạch số 82/KH-UBND ngày 03/5/2018 của UBND tỉnh Kiên Giang về triển khai thực hiện Kế hoạch hành động Quốc gia nhằm ngăn chặn, giảm thiểu và loại bỏ khai thác hải sản IUU đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

+ Kế hoạch 40/KH-UBND ngày 05/3/2018 của UBND tỉnh Kiên Giang về thanh tra, kiểm tra, kiểm soát nghề cá trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, theo hướng dẫn của Ủy ban Châu Âu (được thay thế sửa đổi thành Kế hoạch số 134/KH-UBND ngày 10/9/2019 về thanh tra, kiểm tra, kiểm soát nghề cá trên địa bàn tỉnh Kiên Giang);

+ Kế hoạch số 113/KH-UBND ngày 06/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 34-NQ/TU ngày 13/7/2020 của Ban Chấp hành Tỉnh ủy về tăng cường các giải pháp quản lý ngăn chặn, chấm dứt tàu cá và ngư dân trong tỉnh vi phạm vùng biển nước ngoài để khai thác hải sản trái pháp luật trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

+ Kế hoạch số 127/KH-UBND ngày 29/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Triển khai thực hiện Thông báo Kết luận số 300-TB/TU ngày 13/5/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, về kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kết quả giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 34-NQ/TU của Tỉnh ủy.

+ Quy chế phối hợp số 1435/QCPH-UBND-V5HQ-CSB4-HĐ28-CCKNV5, ngày 01/7/2019 giữa Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang và Bộ Tư lệnh Vùng 5 Hải quân, Bộ Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 4, Hải Đoàn 28, Chi cục Kiểm ngư Vùng 5 trong công tác quản lý các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thủy sản...

- Ngoài ra, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo các sở, ngành và địa phương tăng cường công tác chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định, nhằm ngăn chặn và chấm dứt tình trạng tàu cá, ngư dân Kiên Giang khai thác hải sản trái phép ở vùng biển nước ngoài. Theo đó, các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố ven biển, đảo theo chức năng, nhiệm vụ được giao đã xây dựng kế hoạch, giải pháp tổ chức triển khai thực hiện công điện, chỉ thị, quyết định và ý kiến chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định.

**2. Đánh giá việc tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý khai thác thủy sản bất hợp pháp, không khai báo và không theo quy định, tập trung vào các nội dung sau:**

**2.1 Các cảnh báo, yêu cầu của EC về kiểm soát khai thác thủy sản bất hợp pháp, không khai báo và không theo quy định.**

Trên cơ sở kết quả kiểm tra lần 2 tại Kiên Giang ngày 07- 08/11/2019 Đoàn Thanh tra EC đã đánh giá tốt việc thực hiện các tồn tại, hạn chế được Đoàn Thanh tra EC đưa ra vào đợt kiểm tra vào tháng 5/2018, đồng thời yêu cầu tiếp tục thực hiện các công việc sau: kiểm soát và ngăn chặn tàu cá vi phạm vùng biển nước ngoài; công tác triển khai lắp đặt thiết bị giám sát hành trình trên tàu cá; kiểm soát tàu cá ra, vào cảng; thực hiện xác nhận, chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác.

**2.2. Thực trạng công tác quản lý khai thác thủy sản**

a) Về quản lý đội tàu, năng lực khai thác: số lượng tàu khai thác vùng lộng, vùng khơi; cấp giấy phép khai thác thủy sản, trang thiết bị thông tin liên lạc, giám sát hành trình (VMS), ghi, nộp nhật ký khai thác thủy sản; phân định ranh giới trên biển, phân định vùng khai thác,...

- Tính đến ngày 31/12/2021, toàn tỉnh có 9.879 tàu cá với tổng công suất là 2.822.075 CV. Trong đó, tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 6 mét đến dưới 12 mét: 4.371 tàu, công suất 97.334 CV; tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12 mét đến dưới 15 mét 1.532 tàu, công suất 186.531 CV; tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên: 3.976 tàu, công suất 2.538.210 CV.

- Tàu cá Kiên Giang hoạt động thuộc 05 nhóm nghề chính: lưới kéo, lưới vây, lưới rê, nghề câu và hậu cần đánh bắt nguồn lợi thủy sản; trong đó, tàu lưới kéo là 3.114 tàu, chiếm tỷ lệ 31,5% về số lượng nhưng chiếm đến 72,5% về công suất trong tổng công suất tàu cá toàn tỉnh.

- Sản lượng khai thác trong giai đoạn 2018-2021 bình quân đạt trên 500.000 tấn. Riêng trong năm 2021 là 568.860 tấn, trong đó: tôm các loại: 32.652 tấn, mực: 70.964 tấn, cá các loại: 429.513 tấn, hải sản khác: 35.731 tấn; đạt 99,34% so với cùng kỳ năm 2020.

- Về tỷ lệ cấp giấy phép khai thác thủy sản: đạt 59% đối với tàu cá hoạt động tại vùng lộng (922/1.532); đạt 88,8% đối với tàu cá hoạt động tại vùng khơi (3.529/3.976); đồng thời, các tàu cá này đều được đánh dấu tàu cá theo quy định tại Điều 25 Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT. Tuy nhiên, về số lượng tàu cá hoạt động tại vùng ven bờ được phân cấp cho cấp huyện quản lý có tỉ lệ cấp phép khai thác thủy sản còn hạn chế (khoảng 20%).

- Tính đến ngày 31/12/2021, tổng số tàu cá đã lắp đặt thiết bị giám sát hành trình là 3.665/3.976 tàu cá đang hoạt động (*còn lại 311 tàu cá thuộc diện xoá đăng ký và thuộc diện nằm bờ, ngân hàng quản lý...*).

- 100% tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên cập cảng chỉ định (Cảng cá An Thới - Phú Quốc, Cảng cá Tắc Cậu - Châu Thành) thực hiện đầy đủ việc ghi, nộp nhật ký khai thác thủy sản. Tuy nhiên, số lượng tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét hoạt động tại vùng ven bờ việc ghi, nộp báo cáo khai thác thủy sản còn hạn chế.



- Về phân vùng khai thác thủy sản trên biển, tỉnh đã quy định phân vùng khai thác gồm: vùng ven bờ, vùng lồng và vùng khơi. Đồng thời, quy định vùng cấm khai thác quanh năm và phân cấp phạm vi vùng ven bờ cho các huyện, thành phố ven biển tại Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND ngày 25/6/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành quy định về quản lý hoạt động khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Quyết định số 15/2017/QĐ-UBND ngày 14/4/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về quản lý hoạt động khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, ban hành kèm theo Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND ngày 25/6/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.

b) Về quản lý nguồn gốc thủy sản khai thác: Xác nhận, chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác, xuất nhập khẩu thủy sản để chế biến, tiêu thụ

Trong giai đoạn 2018-2021, đã thực hiện cấp 113 giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác với khối lượng 4.810 tấn; cấp 766 giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác với khối lượng 9.062 tấn cho hơn 20 doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu thủy sản.

c) Công tác dự báo, thông tin dự báo về ngư trường, sản lượng, loại hải sản có khả năng khai thác.

Về nội dung này ngành thủy sản tỉnh không có chức năng dự báo về tình hình ngư trường, nguồn lợi thủy sản. Tuy nhiên, tỉnh đã chỉ đạo ngành chuyên môn tuyên truyền cho ngư dân khai thác về cập nhật thông tin về tình hình ngư trường, nguồn lợi thủy sản trên các trang thông tin của Tổng cục Thủy sản, Bản tin của Viện Nghiên cứu hải sản phục vụ cho hoạt động sản xuất trên biển.

d) Bảo tồn nguồn lợi thủy sản trong khai thác (thực hiện quy định về mùa vụ, loài thủy sản được phép khai thác, ngư cụ khai thác; khu bảo tồn biển).

- Về quy định mùa vụ, loài khai thác thủy sản, ngư cụ khai thác: theo quy định tại khoản 5 Điều 13 Luật Thủy sản năm 2017, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm quy định bổ sung nghề, ngư cụ, khu vực cấm khai thác. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân tỉnh đang hoàn thiện Quyết định ban hành quy định về quản lý hoạt động khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (thay thế Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND và Quyết định số 15/2017/QĐ-UBND), trong dự thảo Quyết định mới có quy định một số nghề khai thác phổ biến của tỉnh như lưới ghe, rập ghe, lưới kén-sĩ...

- Về công tác bảo tồn biển: trên địa bàn tỉnh hiện có Khu Bảo tồn biển Phú Quốc được thành lập từ năm 2007 và đã được điều chỉnh phạm vi, diện tích trong năm 2021 với tổng diện tích là 40.909 ha, tăng 14.046 ha so với diện tích cũ. Đồng thời, theo dự thảo Quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng, Kiên Giang có thêm 03 Khu Bảo tồn biển gồm: Khu bảo tồn biển Hải Tặc, Khu Bảo tồn biển Bà Lụa và Khu Bảo tồn biển Nam Du- Hòn Sơn.

đ) Đầu tư hạ tầng nghề cá: đầu tư hạ tầng cảng cá, bến cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá, hạ tầng quản lý cảng cá

- Về quy hoạch được phê duyệt: căn cứ Quyết định 1976/QĐ-TTg, ngày 12/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch hệ thống

cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030. Theo đó, tỉnh Kiên Giang được phê duyệt:

+ 11 cảng cá gồm: Cảng cá Tắc Cậu, được quy hoạch là cảng cá loại I và 10 cảng cá loại II: Cảng cá An Thới, Cảng cá đảo Nam Du, Cảng cá đảo Thổ Châu, Cảng cá Bãi Dong, Cảng cá Ba Hòn, Cảng cá Xẻo Nhào, Cảng cá Linh Huỳnh, Cảng cá Hòn Ngang, Cảng cá Gành Dầu và Cảng cá Bãi Chướng. Trong 11 cảng cá được quy hoạch, có 05 cảng có chức năng lưỡng dụng kết hợp với Khu neo đậu tránh trú bão.

+ 13 khu neo đậu tránh trú bão, gồm: đảo Nam Du, huyện Kiên Hải; đảo Hòn Tre, huyện Kiên Hải; Cửa sông Cái Lớn-Cái Bé huyện Châu Thành, Xẻo Nhào, huyện An Minh; Ba Hòn, huyện Kiên Lương; Mương Đào, thị xã Hà Tiên; Vịnh An Thới, huyện Phú Quốc; Mũi Gành Dầu, huyện Phú Quốc; Vũng Trâu Nầm, huyện Phú Quốc; Rạch Giá, thành phố Rạch Giá; cửa sông Linh Huỳnh, huyện Hòn Đất; cửa Dương Đông, huyện Phú Quốc và Thổ Châu, thành phố Phú Quốc.

- Về hiện trạng đầu tư:

+ Đối với cảng cá: đã triển khai đầu tư 5/11 cảng cá. Trong đó Cảng cá Tắc Cậu được quy hoạch loại 01 (*hiện được UBND tỉnh Quyết định công bố tạm thời mở cảng loại II*) và Cảng cá An Thới quy hoạch loại 02 (*đã UBND tỉnh Quyết định công bố mở cảng*). Các cảng còn lại gồm Cảng cá Nam Du, Xẻo Nhào, Thổ Châu được đầu tư trước ngày Luật Thủy sản năm 2017 có hiệu lực thi hành nhưng chưa được công bố mở cảng do chưa đảm bảo các điều kiện theo quy định.

+ Đối với khu neo đậu tránh trú bão kết hợp với cảng cá: đã đầu tư 03/13 khu: Khu neo đậu tránh trú bão cửa sông Cái Lớn- Cái Bé; Khu neo đậu tránh trú bão Hòn Tre; Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá kết hợp bến cá mũi Gành Dầu được phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng tại Quyết định số 1474/QĐ-UBND ngày 20/7/2015 của UBND tỉnh Kiên Giang, tổng mức đầu tư 120 tỷ đồng, thời gian thực hiện từ 2016-2021. Giá trị giải ngân đến nay đạt khoảng 85%, hiện đang khẩn trương hoàn thiện các hạng mục còn lại.

+ Đối với Khu neo đậu tránh trú bão Hòn Ngang- Nam Du, đang được thực hiện các bước theo quy định: đến nay dự án đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, từ nay đến cuối năm 2021 xây dựng. Báo cáo khả thi, trình phê duyệt và dự kiến triển khai dự án trong Quý I/2022. Trong quy hoạch Khu neo đậu tránh trú bão hòn Ngang- Nam Du không có chức năng cảng cá; tuy nhiên, để lồng ghép thực hiện Quyết định số 1664/QĐ-TTg, ngày 04/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, tỉnh đã bổ sung cảng cá nằm trong khu neo đậu tránh trú bão hòn Ngang- Nam Du nhằm tranh thủ nguồn vốn Trung ương để đầu tư cầu cảng, khu dịch vụ hậu cần nghề cá để làm khu hậu cần logistic cho vùng nuôi trọng điểm của tỉnh và đã hoàn thành, chờ nghiệm thu bàn giao.

+ Riêng đối với Trung tâm nghề cá lớn đã phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể - phân khu xây dựng Trung tâm nghề cá lớn Kiên Giang, gắn với ngư trường Tây Nam Bộ tại Quyết định số 1918/QĐ-UBND ngày 26/08/2016;

gồm (1) cảng cá động lực: phân khu 1: nâng cấp Cảng cá Tắc Cậu, hoàn thành đầu tư dự án trong tháng 12/2021 bằng nguồn vốn Trung ương do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý; phân khu 2: Cảng cá Tây Yên A, do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm chủ đầu tư, dự kiến đầu tư giai đoạn 2021-2025 bằng nguồn vốn ODA; (2) Dự án Cổng âu thuyền Xẻo Rô tại xã Tây Yên A và xã Hưng Yên, huyện An Biên do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm chủ đầu tư, hoàn thành đầu tư dự án trong tháng 12/2021 bằng nguồn vốn Dự án cổng Cái Lớn-Cái Bé và (3) Dự án khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá cửa sông Cái Lớn- Cái Bé, do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm chủ đầu tư, hoàn thành đầu tư dự án trong tháng 12/2021 bằng nguồn vốn Trung ương do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý.

e) Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về thủy sản, kiểm soát khai thác thủy sản bất hợp pháp, không khai báo và không theo quy định; kinh phí, nguồn lực tổ chức thực hiện

*\* Về cơ cấu tổ chức bộ máy:*

- Cơ quan tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành thủy sản và tổ chức thực thi pháp luật về nuôi trồng, khai thác, bảo tồn đa dạng sinh học; bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản là Chi cục Thủy sản trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Chi cục Thủy sản chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và hoạt động của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đồng thời chịu sự hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Tổng Cục Thủy sản trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Chi cục Thủy sản có Ban lãnh đạo và 04 phòng, 01 trung tâm.

- Ban Lãnh đạo Chi cục gồm có: Chi cục trưởng và 02 Phó Chi cục trưởng (hiện tại mới có 01 Chi cục trưởng và 01 Phó Chi cục Trưởng).

- Các phòng chuyên môn gồm: 05 phòng và 01 ban.

+ Phòng Hành chính - Tổng hợp;

+ Phòng Kiểm ngư - Thanh tra chuyên ngành;

+ Phòng Nuôi trồng thủy sản;

+ Phòng Khai thác và phát triển nguồn lợi thủy sản;

+ Đơn vị trực thuộc: Trung tâm Đăng kiểm tàu cá.

*\* Về nhân sự:*

- Tổng số biên chế được giao là 98 người, trong đó: biên chế hành chính là 34 người, biên chế sự nghiệp là 25 người, hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ (bảo vệ, lái xe, nhân viên phục vụ, nhân viên đội tàu thanh tra chuyên ngành thủy sản) 39 người.

- Tổng số người hiện có mặt là 80 người (gồm có 65 nam và 14 nữ). Trong đó: công chức 31 người, viên chức 14 người và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP là 35 người (bao gồm: bảo vệ, lái xe, nhân viên phục vụ, nhân viên đội tàu thanh tra chuyên ngành thủy sản). Về trình độ chuyên môn có: 12 thạc sĩ, 41 đại học, 02 cao đẳng, 08 trung cấp, còn lại 19; về trình độ lý luận chính trị: 02 cao cấp, 15 trung cấp, 37 sơ cấp; về cơ cấu ngạch công chức, viên chức: 05 chuyên viên chính, 38 chuyên viên và tương đương, 02 cán sự và tương đương, 35 nhân viên và tương đương.

**\* Kinh phí hoạt động (ngân sách cấp) từ năm 2018 đến 2021:**

| STT              | Nội dung                                        | Năm 2018              | Năm 2019              | Năm 2020              | Năm 2021              |
|------------------|-------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| 01               | Kinh phí NSNN cấp chi thường xuyên (đồng)       | 4.350.952.867         | 4.331.827.125         | 4.162.594.818         | 3.933.090.734         |
| 02               | Kinh phí NSNN cấp chi không thường xuyên (đồng) | 8.110.337.214         | 8.017.078.067         | 8.969.738.842         | 8.721.906.554         |
| <b>Tổng cộng</b> |                                                 | <b>12.461.290.081</b> | <b>12.348.905.192</b> | <b>13.132.333.660</b> | <b>12.654.997.288</b> |

g) Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm về khai thác thủy sản bất hợp pháp, không khai báo và không theo quy định.

\* Về thanh tra, kiểm tra, kiểm soát và xử lý tại cảng cá

Thực hiện Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018, Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang đã ban hành Kế hoạch số 134/KH-UBND ngày 10/9/2019 về thanh tra, kiểm tra, kiểm soát nghề cá trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (thay thế Kế hoạch số 40/KH-UBND); đồng thời, thành lập Tổ thanh tra, kiểm tra, kiểm soát nghề cá trên địa bàn tỉnh. Trong giai đoạn 2018-2021 đã thực hiện kiểm tra, kiểm soát 14.638 lượt tàu cá xuất, nhập cảng cá; xử lý 172 trường hợp vi phạm với số tiền phạt vi phạm hành chính hơn 1.648.000 đồng.

\* Công tác tuần tra, kiểm tra, kiểm soát và xử lý tàu cá vi phạm trên biển

Từ năm 2018 đến năm 2021, qua 257 đợt tuần tra trên biển đã kiểm tra hơn 1.385 lượt phương tiện, lập biên bản và ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính 1.154 trường hợp với số tiền thu nộp ngân sách nhà nước 20 tỷ đồng. Ngoài các hành vi vi phạm về hành chính, vi phạm vùng khai thác thì các hành vi vi phạm sử dụng nghề, ngư cụ cấm (xiệp, lú) khai thác thủy sản tại vùng biển ven bờ, tàu cá sử dụng kích điện để khai thác thủy sản vẫn còn diễn ra.

\* Tình hình tàu cá vi phạm vùng biển nước ngoài; kết quả xử tàu cá, ngư dân vi phạm vùng biển nước ngoài

- Theo thông tin của các sở, ngành và lực lượng chức năng cung cấp từ năm 2018 đến năm 2021 đã có 269 tàu cá và 2.668 ngư dân vi phạm vùng biển nước ngoài khai thác hải sản trái phép, cụ thể xem bảng tổng hợp:

| TT | Tên nước | Năm 2018 |          | Năm 2019 |          | Năm 2020 |          | Năm 2021 |          |
|----|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|
|    |          | Số tàu   | Số người | Số tàu   | Số người | Số tàu   | Số người | Số tàu   | Số người |

|             |            |           |            |            |              |           |            |           |            |
|-------------|------------|-----------|------------|------------|--------------|-----------|------------|-----------|------------|
| 01          | Indonexia  | 08        | 100        | 14         | 147          | 17        | 206        | 03        | 44         |
| 02          | Malayxia   | 33        | 366        | 63         | 661          | 24        | 240        | 33        | 324        |
| 03          | Thái Lan   | 04        | 26         | 17         | 143          | 05        | 28         | 01        | 07         |
| 04          | Campuchia  | 22        | 172        | 12         | 94           | 01        | 19         | 08        | 42         |
| 05          | Brunei     | -         | -          | 02         | 27           | -         | -          |           |            |
| 06          | Philippin  | -         | -          | -          | -            | 01        | 5          |           |            |
| 07          | Trung Quốc | -         | -          | -          | -            | -         | -          | 01        | 17         |
| <b>Cộng</b> |            | <b>67</b> | <b>664</b> | <b>108</b> | <b>1.072</b> | <b>48</b> | <b>498</b> | <b>46</b> | <b>434</b> |

- Về xử lý tàu cá, ngư dân vi phạm vùng biển nước ngoài, từ năm 2018 đến năm 2021 các lực lượng chức năng (cơ quan Biên phòng), Ủy ban nhân dân tỉnh đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính 139 trường hợp đối với 234 tàu cá với tổng số tiền phạt là hơn 39,374 tỷ đồng, trong đó năm 2020 và 2021 đã xử lý tịch thu 52 tàu cá theo quy định tại Nghị định số 42/2019/NĐ-CP, chi tiết xem bảng tổng hợp:

| Số TT       | Năm  | Số trường hợp vi phạm | Số tàu     | Số tiền (tỷ đồng) | Ghi chú            |
|-------------|------|-----------------------|------------|-------------------|--------------------|
| 1           | 2018 | 55                    | 79         | 4,795             |                    |
| 2           | 2019 | 43                    | 56         | 3,750             |                    |
| 3           | 2020 | 30                    | 53         | 23,156            | Tịch thu 41 tàu cá |
| 4           | 2021 | 11                    | 46         | 7,673             | Tịch thu 11 tàu cá |
| <b>Tổng</b> |      | <b>139</b>            | <b>234</b> | <b>39,374</b>     |                    |

\* Công tác tuần tra, kiểm soát trên biển vùng giáp ranh với các nước

- Năm 2020, thực hiện kế hoạch số 178/KH-BCĐ ngày 13/11/2020 của Ban chỉ đạo tỉnh Kiên Giang, Vùng cảnh sát biển 4 đã tăng cường tổ chức kiểm tra, kiểm soát các tàu cá hoạt động trên biển ở khu vực giáp ranh, đã điều động 16 đợt/38 lượt tàu, xuống thực hiện nhiệm vụ trên biển, trong đó có nhiệm vụ chống khai thác IUU (trong đợt cao điểm từ đầu tháng 5/2020 đến nay Bộ Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 4 đã sử dụng 05 tàu tập trung thực hiện nhiệm vụ phòng chống khai thác IUU trên vùng biển Tây Nam). Kết quả đã tuần tra, kiểm soát kết hợp tổ chức tuyên truyền về phòng chống khai thác IUU cho khoảng hơn 400 lượt tàu cá hoạt động trên biển, phát hơn 500 tờ rơi; đã kiểm tra, kiểm soát lập biên bản và ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với 18 tàu cá



Việt Nam vi phạm khai thác IUU, tổng số tiền xử phạt là 55.500.000 đồng; thường xuyên duy trì 01 tàu, 01 xuồng hoạt động tuyên truyền, ngăn chặn tàu cá, ngư dân ta hoạt động trái phép vùng biển Campuchia tại điểm trực Bắc đảo Phú Quốc.

- Tính từ ngày 01/01/2020 - 15/12/2020 Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh đã xây dựng và triển khai thực hiện 04 đợt cao điểm sử dụng 12 tàu/145 lượt cán bộ chiến sĩ tham gia tuần tra truy quét trên biển. Kịp thời ngăn chặn, xua đuổi 53 lượt, 248 phương tiện/707 ngư dân Campuchia (CPC) vi phạm vùng nội thủy Việt Nam đánh bắt hải sản trái phép, trong đó: Cảnh cáo giáo dục, trục xuất 27 phương tiện/87 ngư dân CPC vi phạm; ngoài ra tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh 03 lần gửi công văn trao đổi, phản kháng phía Campuchia bắt giữ tàu cá Kiên Giang trong Vùng nước lịch sử. Thu giữ 66.392 lít dầu DO, 4.340 kg hải sản, 1.475 kg hải sâm, 6,2 kg thuốc nổ TNT và 32 kíp nổ.

- Bên cạnh đó, qua tuần tra, kiểm soát trên biển khi phát hiện vi phạm, các lực lượng quản lý vùng khơi như: Bộ Tư lệnh Vùng 2 và Vùng 5 Hải quân, Bộ Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 3 và 4,... đã kịp thời cung cấp thông tin 28 tàu cá Kiên Giang vi phạm vùng biển nước ngoài cho Cơ quan Thường trực Ban chỉ đạo tỉnh về IUU. Các trường hợp này hiện Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh đã tiếp nhận hồ sơ để điều tra, xác minh và xử lý. (Kết quả cụ thể: đã tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xử phạt 02 trường hợp/03 tàu vi phạm vùng biển nước ngoài; 03 trường hợp/ 05 tàu xử lý hành vi khác; 07 trường hợp/10 tàu, chủ tàu không có mặt tại nơi cư trú; số còn lại tiếp tục điều tra, xác minh).

- Năm 2021, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã phối hợp chặt chẽ với Bộ Tư Lệnh Vùng Cảnh sát biển 4 tiến hành điều tra, xác minh và xử lý 13 trường hợp/24 tàu cá Kiên Giang vi phạm khai thác IUU trên vùng biển Kiên Giang và vùng chồng lấn, giáp ranh giới các nước trong khu vực. Nhìn chung công tác xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản còn nhiều hạn chế, đặc biệt là xử lý tàu cá có dấu hiệu vi phạm vùng biển nước ngoài đến nay có chuyển biến tích cực nhưng tiến độ điều tra, xác minh còn chậm. Trong năm 2021 chỉ xử lý được 15/46 tàu, đạt 32,6% tổng số tàu cá có dấu hiệu vi phạm. Ngoài ra, còn nhiều tàu cá sử dụng xung điện để khai thác thủy sản; tàu cá làm nghề cấm khai thác thủy sản tại vùng biển ven bờ; tàu cá hoạt động khai thác không đăng ký, đăng kiểm, không giấy phép khai thác, một số hoạt động khai thác sai vùng, sai nghề.....; còn nhiều tàu cá vi phạm phát hiện qua hệ thống giám sát hành trình chưa được xử lý.

*\* Công tác bảo hộ công dân*

- Theo số liệu của Sở Ngoại vụ trong giai đoạn 2018-2021, qua thông tin ngoại giao đã có 162 tàu cá và 1.765 ngư dân bị các nước láng giềng bắt giữ, xử lý. Chi tiết xem bảng tổng hợp:

| TT | Thông tin | Năm 2018 | Năm 2019 | Năm 2020 | Năm 2021 |
|----|-----------|----------|----------|----------|----------|
|----|-----------|----------|----------|----------|----------|

|    | <b>ngoại giao</b> | Số<br>tàu | Số<br>người | Số<br>tàu | Số<br>người | Số<br>tàu | Số<br>người | Số<br>tàu | Số<br>người |
|----|-------------------|-----------|-------------|-----------|-------------|-----------|-------------|-----------|-------------|
| 01 | Indonexia         | 04        | 62          | 14        | 146         | 16        | 265         | 03        | 44          |
| 02 | Malayxia          | 19        | 212         | 29        | 313         | 19        | 206         | 31        | 301         |
| 03 | Thái Lan          | 03        | 11          | 10        | 108         | -         | -           | 01        | 07          |
| 04 | Campuchia         | -         | -           | -         | -           | -         | -           | 08        | 42          |
| 05 | Brunei            | -         | -           | 02        | 27          | -         | -           |           |             |
| 06 | Philippin         | -         | -           | -         | 01          | 02        | 03          |           |             |
| 07 | Trung<br>Quốc     | -         | -           | -         | -           | -         | -           | 01        | 17          |
|    | <b>Cộng</b>       | <b>26</b> | <b>285</b>  | <b>55</b> | <b>595</b>  | <b>37</b> | <b>474</b>  | <b>44</b> | <b>411</b>  |

- Đồng thời, qua đường ngoại giao kết quả, phối hợp với Cục lãnh sự, Cơ quan đại diện ngoại giao tại Indonesia, Malaysia, Philippines, Thailand ...các cơ quan chức năng của tỉnh đã xác minh và hoàn tất thủ tục đưa 651 ngư dân về nước. Trong đó, năm 2018 là 285 ngư dân, năm 2019 là 260 ngư dân, năm 2020 là 50 ngư dân và năm 2021 là 56 ngư dân.

- Nhìn chung, công tác bảo hộ công dân thời gian qua chưa đạt được như mong muốn, còn nhiều ngư dân bị bắt chưa được đưa về nước. Nguyên nhân do ảnh hưởng của dịch Covid-19; phần lớn ngư dân này có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, gia đình không đủ khả năng đóng các khoản tạm ứng để mua vé máy bay cho người thân về nước; một số chủ tàu không chịu trách nhiệm, không hỗ trợ cho thủy thủ của mình; các chuyến bay thương mại đưa ngư dân về nước do Đại sứ quán bố trí chi phí quá cao (gấp 03 đến 05 lần so với bình thường) mà không thông báo cho địa phương chỉ liên hệ trực tiếp với ngư dân và người thân làm ảnh hưởng đến công tác phối hợp giữa địa phương và cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở nước ngoài; khi nhận đơn và làm việc với người thân ngư dân không cung cấp được thông tin về chủ tàu, số hiệu tàu gây khó khăn cho việc hoàn tất thủ tục đưa ngư dân về nước.

g) Nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế về chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không khai báo và không theo quy định (số lượng nghiên cứu, đầu tư tài chính, hiệu quả ứng dụng).

Về nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế về chống khai thác IUU, địa phương phối hợp chặt chẽ với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các cơ quan trực thuộc Bộ để triển khai thực hiện những ứng dụng, kinh nghiệm của các nước trong thực hiện chống khai thác IUU và chuỗi hoạt động trong việc tháo gỡ cảnh báo “Thẻ vàng” của Ủy ban Châu Âu. Bên cạnh đó, tỉnh đã tranh thủ sự ủng hộ của các cơ quan trực thuộc Bộ, các tổ chức phi chính phủ để triển khai thực hiện các giải pháp về bảo vệ nguồn lợi thủy sản, thành lập mới các khu bảo tồn biển nhằm khôi phục nguồn lợi thủy sản, hạn chế tình trạng khai thác IUU trên vùng biển Kiên Giang.

h) Đánh giá về nhận thức và hoạt động nâng cao nhận thức của người dân về kiểm soát khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định và những thay đổi trong quản lý khai thác thủy sản từ năm 2018 đến 2021

- Về nhận thức và hoạt động nâng cao nhận thức của người dân

Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện công tác tuyên truyền bằng nhiều hình thức qua phát thanh, truyền hình, báo mạng, qua công tác vận động của chính quyền cơ sở, các đoàn thể chính trị, chính trị - xã hội... đặc biệt với hình thức mới nhất là “Thư kêu gọi” của Chủ tịch UBND tỉnh đến rất nhiều đối tượng: cán bộ, công chức, đến từng hộ gia đình, chủ tàu, thuyền trưởng, ngư dân... Cùng với triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp như: Vận động ngư dân cam kết không vi phạm vùng biển nước ngoài, chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về quản lý hoạt động của tàu cá về lắp đặt thiết bị giám sát hành trình, đánh dấu tàu cá, ghi chép nhật ký khai thác.... Qua đó, sự hiểu biết, trách nhiệm, ý thức của xã hội, người dân, nhất là cộng đồng ngư dân và các doanh nghiệp thủy sản về các quy định của pháp luật thủy sản, các quy định về chống khai thác IUU ngày càng được nâng cao. Tuy nhiên, về tuyên truyền vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như: nội dung, phương pháp chưa phong phú, đa dạng về hình thức, chỉ tuyên truyền một chiều là phổ biến, quán triệt đa số là lồng ghép, chưa thường xuyên tổ chức các buổi tuyên truyền, phổ biến chuyên đề về chống khai thác IUU, chưa nêu gương điển hình một số trường hợp chấp hành tốt, những trường hợp không chấp hành, cố tình không hợp tác, chống đối.

- Về những thay đổi chuyển biến tích cực trong quản lý khai thác thủy sản từ năm 2018 đến 2021 như sau: nhận thức của chính quyền cơ sở đã có bước chuyển biến đáng kể đối với công tác chống khai thác IUU và quản lý tàu cá trên địa bàn do mình quản lý. Đến thời điểm hiện nay cơ bản đã ngăn chặn được tình trạng tàu cá vi phạm vùng biển nước ngoài để khai thác thủy sản trái phép theo tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ (cuối năm 2021). Hoàn thành việc lắp đặt thiết bị giám sát hành trình theo quy định của pháp luật đối với tàu cá đang hoạt động (đạt 99,96 %, còn 2 tàu đang làm thủ tục). Từ tháng 9/2021 đến nay không có trường hợp tàu cá nào vi phạm IUU khi kiểm tra tại các cảng cá, bến cá. Số tàu cá vi phạm về các thủ tục hành chính khi ra vào các trạm kiểm soát Biên phòng giảm nhiều so với trước đây.

Tuy nhiên, kết quả này là chưa bền vững, do đó không được chủ quan, cả hệ thống chính trị cần tiếp tục duy trì các công việc đã làm thời gian qua và tiếp tục: (1) tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng chức năng Trung ương với địa phương trong công tác điều tra, xác minh và xử lý nghiêm các tàu cá vi phạm khai thác hải sản ở vùng biển nước ngoài; (2) Tăng cường công tác điều tra, xác minh và xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật các vụ việc về môi giới, hình thành đường dây đưa tàu cá đi khai thác thủy sản tại vùng biển nước ngoài tại các địa bàn trọng điểm có nhiều tàu cá nhằm phát huy hiệu quả công tác chống khai thác IUU; (3) Tiếp tục tăng cường kiểm tra trách nhiệm của chính quyền cơ sở trong công tác tuyên truyền, vận động chống khai thác IUU, đặc biệt triển khai kiểm tra, xử lý nghiêm đối với nhóm tàu có nguy cơ cao về vi phạm khai thác IUU nhằm tạo sự chuyển biến thực sự trong công tác chống khai

thác IUU trên địa bàn của tỉnh; (4) Các sở, ngành có liên quan và các huyện, thành phố xử lý dứt điểm số tàu cá vi phạm được phát hiện, còn tồn đọng từ năm 2018 đến nay (hồ sơ nào đủ điều kiện về cơ sở pháp lý thì tiến hành xử phạt vi phạm hành chính; còn hồ sơ nào không đủ điều kiện, hết thời hiệu xử lý thì có kết luận cụ thể, rõ ràng báo cáo Ban Chỉ đạo về IUU tỉnh). Tính đến ngày 15/11/2021, số vụ chưa xử lý còn chiếm tỷ lệ cao (chiếm tỷ lệ 23,6%); số vụ chưa xử phạt vi phạm hành chính chiếm tỷ lệ 49,1% (131/267 tàu); tỷ lệ chưa chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính còn rất cao (chiếm hơn 98%); (5) tăng cường rà soát đầu tư cơ sở hạ tầng nghề cá bao gồm cảng cá, kinh phí, nhân lực cho bộ máy quản lý nghề cá; sớm thành lập và đưa vào hoạt động lực lượng Kiểm ngư địa phương để tăng cường năng lực quản lý vùng biển đáp ứng tình hình mới hiện nay.

i) Đánh giá mặt được, tồn tại hạn chế và nguyên nhân của tồn tại hạn chế

- Từ năm 2018 đến 2021 Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo điều hành và tổ chức nhiều đoàn kiểm tra, giám sát các sở, ngành, đơn vị và địa phương trong việc thực hiện nhiệm vụ chống khai thác IUU, đồng thời phối hợp chặt chẽ với các lực lượng chức năng của Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh thực hiện nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát vùng biển Kiên Giang, vùng giáp ranh, chồng lấn giữa Việt Nam và các nước trong khu vực nhằm xử lý nghiêm các tàu cá của Kiên Giang vi phạm khai thác IUU; đặc biệt ngăn chặn, chấm dứt tình trạng tàu cá Kiên Giang vi phạm khai thác hải sản trái phép tại vùng biển nước ngoài. Ngoài ra, cùng với sự nỗ lực triển khai của các sở, ngành, đơn vị và địa phương trong công tác tổ chức triển khai thực hiện các giải pháp chống khai thác IUU năm 2018 đến 2021, trong đó đóng vai trò quan trọng là Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo về IUU tỉnh (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) nên công tác chống khai thác IUU đạt được một số kết quả đáng ghi nhận, như:

+ Đã tổ chức triển khai lắp đặt thiết bị giám sát hành trình cho 3.665/3.976 tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15m trở lên của tỉnh thuộc diện phải lắp đặt thiết bị giám sát hành trình, đạt 92%; còn lại 311 tàu cá thuộc diện xóa đăng ký và thuộc diện nằm bờ, ngân hàng quản lý..., địa phương đang tiếp tục rà soát để tỉ lệ tàu cá lắp thiết bị được tăng lên trong thời gian sớm nhất.

+ Thông qua hệ thống giám sát hành trình tàu cá đã theo dõi, giám sát 100% tàu cá từ 15m trở lên được lắp đặt thiết bị giám sát hành trình đang hoạt động khai thác thủy sản trên biển nhằm gọi điện nhắc nhở và cảnh báo cáo chủ tàu, thuyền trưởng khi tàu bị mất kết nối và vượt ranh giới trên biển.

+ Công tác kiểm soát tàu cá cập, rời cảng, kiểm soát sản lượng thủy sản qua cảng thực hiện khá tốt, qua đó đã kiểm tra 100% tàu cá trên 24m cập, rời cảng.

+ Công tác thực thi pháp luật trong xử phạt đối với hành vi khai thác IUU đã được chú trọng, đặc biệt là xử lý vi phạm khai thác hải sản ở vùng biển nước ngoài, vi phạm quy định về thiết bị giám sát hành trình.

- Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế như:

+ Chưa ngăn chặn, chấm dứt được tàu cá Kiên Giang vi phạm khai thác hải sản ở vùng biển nước ngoài, năm 2021 Kiên Giang có 46 tàu cá, 434 ngư dân vi phạm và có dấu hiệu vi phạm khai thác hải sản ở vùng biển nước ngoài.

+ Vẫn còn 311 tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên chưa lắp đặt thiết bị giám sát hành trình trên tàu cá, trong đó có 107 tàu thuộc diện xóa đăng ký và 204 tàu nằm bờ, ngân hàng quản lý... (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang thực hiện rà soát và xử lý). Còn nhiều tàu cá mất kết với hệ thống giám sát hành trình và vượt ranh giới trên biển.

+ Việc xử lý tàu cá vi phạm vùng biển nước ngoài còn nhiều hạn chế; xử lý tàu cá vi phạm phát hiện qua hệ thống giám sát hành trình đạt 43% (171/398 tàu mất kết nối, vượt ranh giới trên biển).

- Nguyên nhân:

+ Vì lợi ích kinh tế nên còn nhiều chủ, tàu thuyền trưởng cố tình đưa tàu cá sang vùng biển các nước để khai thác hải sản trái phép; các chủ tàu, thuyền trưởng cố tình trốn tránh lực lượng chức năng không hợp tác để điều tra, xác minh làm rõ hành vi phạm khai thác hải sản ở vùng biển nước ngoài.

+ Còn nhiều chủ tàu và thuyền trưởng cố tình tác động tháo, che chắn... nhằm không duy trì hoạt động của thiết bị giám sát hành trình khi hoạt động trên biển hoặc chỉ lắp thiết bị trên tàu khi xuất bến Biên phòng rồi tự ý tháo thiết bị để gửi vào bờ nhằm mục đích khai thác hải sản ở vùng biển nước ngoài.

+ Chủ tàu cố tình trốn tránh không hợp tác với Chi cục Thủy sản trong việc xử lý tàu cá vi phạm qua hệ thống thiết bị giám sát hành trình mặc dù Chi cục Thủy sản đã gọi điện thoại và gửi giấy mời nhiều lần cũng như phối hợp với chính quyền địa phương mời chủ tàu làm việc nhưng chủ tàu vẫn không thực hiện; chủ tàu không thừa nhận hành vi vi phạm luôn đổ lỗi cho thuyền trưởng như: không liên lạc được hay tàu về bờ thì thuyền trưởng nghỉ hoặc chuyển sang chạy tàu khác...) và đổ lỗi cho thiết bị giám sát hành trình; các đơn vị cung cấp thiết bị giám sát hành trình không xác định được nguyên nhân thiết bị mất kết với hệ thống giám sát, mà phải đưa tàu về bờ mới xác định được, gây khó khăn cho ngư dân cũng như khó khăn trong công tác giám sát cũng như xử phạt vi phạm hành chính; đối với tàu vượt ranh giới trên biển, nếu chủ tàu, thuyền trưởng không thừa nhận hành vi vi phạm thì không đủ cơ sở để xử lý (không thể căn cứ vào hành trình, đường đi, tốc độ tàu trên hệ thống giám sát để khẳng định tàu cá đó vi phạm).

+ Nguồn nhân lực thực hiện cho công tác điều tra, xác minh xử lý hành vi vi phạm khai thác IUU còn nhiều hạn chế cũng như hạn chế về chuyên môn, thiếu kinh nghiệm trong điều tra, đấu tranh với đối tượng vi phạm.

+ Vai trò, trách nhiệm của chính quyền cấp huyện, cấp xã ở một số nơi chưa quan tâm chỉ đạo quyết liệt còn để tàu cá vi phạm khai thác hải sản trái phép ở vùng biển nước ngoài.

### **3. Việc khắc phục các vi phạm, gỡ “Thẻ vàng” của EC**

#### **a) Kinh nghiệm khắc phục, tháo gỡ thẻ vàng**

Tỉnh Kiên Giang đã phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chuyên môn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc áp dụng các giải pháp, kinh nghiệm tháo gỡ thẻ vàng của các nước trên thế giới. Hàng năm, cán bộ chuyên



môn của tỉnh đều tham gia các khóa tập huấn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trao đổi với chuyên gia về các kinh nghiệm, giải pháp tháo gỡ thế vàng để tham mưu, áp dụng trên địa bàn tỉnh.

b) Các hoạt động kiểm soát chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không khai báo và không theo quy định.

- Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo điều hành và tổ chức nhiều đoàn kiểm tra, giám sát các sở, ngành, đơn vị và địa phương trong việc thực hiện nhiệm vụ chống khai thác IUU. Theo đó, chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo về IUU tỉnh) chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan tiếp tục đẩy mạnh hoạt động thông tin, tuyên truyền, phổ biến pháp luật liên quan về chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định, đảm bảo người dân cập nhật, tiếp cận đầy đủ, kịp thời văn bản, thông tin về các quy định chống khai thác IUU. Đồng thời, tăng cường thực hiện các biện pháp bảo đảm ngăn chặn, chấm dứt, không để xảy ra tình trạng tàu cá và ngư dân của tỉnh vi phạm khai thác hải sản ở vùng biển nước ngoài.

- Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổ chức nhiều đoàn kiểm tra, giám sát các sở, ngành, đơn vị và địa phương trong việc thực hiện nhiệm vụ chống khai thác IUU, chỉ ra những tồn tại, hạn chế và có văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, khắc phục những tồn tại, hạn chế, đề nghị kiểm điểm trách nhiệm các tổ chức, cá nhân có liên quan thiếu tinh thần trách nhiệm trong việc thực hiện Luật Thủy sản và các quy định về chống khai thác IUU.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh tăng cường kiểm tra, kiểm soát tàu cá tại cảng cá và các đồn, trạm kiểm soát Biên phòng; kiên quyết không cho tham gia hoạt động khai thác thủy sản trên biển nếu không đảm bảo điều kiện theo quy định, đặc biệt kiểm tra thiết bị giám sát hành trình tàu cá (VMS) đảm bảo trạng thái hoạt động trước khi cho tàu cá ra biển hoạt động; tăng cường công tác phối hợp liên ngành để kiểm tra, xác minh và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm trong hoạt động khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

c) Phát triển thị trường xuất khẩu Việt Nam và xây dựng thương hiệu quốc gia về hàng thủy sản Việt Nam.

- Thị trường xuất khẩu thủy sản giai đoạn 2018-2021: năm 2018, tỉnh Kiên Giang xuất khẩu qua hơn 35 thị trường các quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó thủy sản xuất khẩu qua 25 thị trường; đến năm 2021, xuất khẩu qua hơn 43 thị trường quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó thủy sản xuất khẩu qua 27 thị trường, các thị trường chiếm kim ngạch lớn như: Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc, Thái Lan, các nước Châu Âu,...

- Hàng năm, địa phương đề xuất Bộ Công Thương công nhận “Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín” cho các doanh nghiệp đáp ứng đủ điều kiện theo quy định. Theo đó, Bộ Công Thương đã công bố “Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín” cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh năm 2018 là 07 doanh nghiệp, trong đó có 04 doanh nghiệp thủy sản; năm 2019 là 06 doanh nghiệp, trong đó có 04 doanh nghiệp thủy sản; năm 2020 là 08 doanh nghiệp, trong đó có 06 doanh nghiệp thủy sản.

d) Chuyển đổi sinh kế cho ngư dân khi thực hiện theo quy định về chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không khai báo và không theo quy định (IUU).

- Nhằm triển khai thực hiện có hiệu quả Luật Thủy sản năm 2017 và các quy định về chống khai thác IUU trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, đảm bảo tàu cá hoạt động khai thác thủy sản theo phân vùng khai thác, số lượng tàu cá hoạt động phù hợp với trữ lượng nguồn lợi thủy sản cho phép khai thác nên yêu cầu về sắp xếp nghề cá của tỉnh là cần thiết trong tình hình nguồn lợi suy giảm như hiện nay. Trong giai đoạn 2018-2020, tỉnh đã thực hiện Dự án “Điều tra các nghề khai thác thủy sản vùng biển ven bờ và vùng lộng biển Kiên Giang; đề xuất sắp xếp lại cơ cấu nghề khai thác thủy sản tỉnh Kiên Giang”. Kết quả dự án đề xuất trong tổng số 11.769 tàu cá hiện có (bao gồm 2.553 tàu chưa đăng ký) đến năm 2025 phải thực hiện cắt giảm 2.550 tàu cá hoạt động xâm hại nguồn lợi, hoạt động không đúng quy định... để đảm bảo số lượng tàu cá khai thác bền vững là 9.219 tàu. Đồng thời, giải pháp cắt giảm tàu cá cần thực hiện chuyển đổi nghề khai thác, các chính sách hỗ trợ đối với chủ tàu có tàu cá bị cắt giảm.

- Hiện nay, tỉnh đang triển khai thực hiện Đề án “Khôi phục ngành khai thác thủy sản tỉnh Kiên Giang” (Đề án), giai đoạn phê duyệt đề cương, kinh phí Đề án. Nội dung Đề án bao gồm việc đánh giá thực trạng ngành khai thác thủy sản, xây dựng cơ sở dữ liệu, đầu tư hạ tầng nghề cá... đến việc thực hiện các chính sách hỗ trợ cho ngư dân, thuyền viên, trong đó bao gồm chính sách chuyển đổi nghề khai thác xâm hại nguồn lợi thủy sản, chính sách cắt giảm tàu cá theo đề xuất kết quả điều tra dự án nêu trên. Trong đó, việc ban hành các chính sách về hỗ trợ chi phí cho chủ tàu cắt giảm tàu cá và thực hiện chuyển đổi sinh kế cho ngư dân là cơ sở để thực hiện phát triển nghề cá bền vững trong thời gian tới.

### **III. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP, KIẾN NGHỊ**

#### **1. Giải pháp**

##### ***1.1. Về thực hiện chính sách pháp luật về quản lý nuôi, chế biến thủy sản***

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ của các cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp và các tổ chức, đoàn thể liên quan; tuyên truyền sâu rộng và có hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển nuôi trồng, chế biến thủy sản. Quan tâm công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm; hỗ trợ, bảo vệ quyền lợi chính đáng của người lao động.

- Tăng cường đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ, tay nghề cán bộ vận hành hệ thống quan trắc tự động từng bước quản lý, khai thác hiệu quả nguồn lực đã đầu tư, phục vụ tốt hơn cho công tác dự báo, cảnh báo, chỉ đạo trong nuôi trồng thủy sản.

- Căn cứ Quyết định số 1151/QĐ-BNN-TCTS ngày 10/3/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Kế hoạch quan trắc, cảnh báo và giám sát môi trường trong nuôi trồng thủy sản giai đoạn 2021-2025, xây dựng kế hoạch về bố trí nguồn nhân lực, vật lực cho công tác quan trắc, cảnh báo môi

trường nhất là khu vực nuôi tôm nước lợ, cá lồng bè, nuôi nhuyễn thể ven biển, đảo triển khai thực hiện có hiệu quả tại địa phương.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra môi trường cơ sở nuôi trồng, chế biến thủy sản, nhất môi trường nuôi tôm tập trung, nuôi cá lồng, bè ven biển, đảo.

- Tiếp tục phát triển thị trường xuất khẩu Việt Nam và xây dựng thương hiệu quốc gia về hàng thủy sản Việt Nam trên trường quốc tế.

- Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung các cơ chế chính sách hiện có, nghiên cứu xây dựng các cơ chế, chính sách mới nhằm huy động mọi nguồn lực, thành phần kinh tế đầu tư phát triển vào lĩnh vực thủy sản, kinh tế biển, công nghệ chế biến,...

### ***1.2. Về thực hiện chính sách pháp luật về kiểm soát khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định***

Theo tinh thần chỉ đạo quyết liệt của các cấp lãnh đạo từ Trung ương đến địa phương, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện các giải pháp ngăn chặn tàu cá vi phạm vùng biển nước ngoài, gắn với trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, xử lý nghiêm tổ chức, cá nhân thiếu tinh thần, trách nhiệm, không khắc phục được những tồn tại hạn chế ảnh hưởng đến nỗ lực gỡ "Thẻ vàng" thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Trên tinh thần đó, Ủy ban nhân dân tỉnh xác định một số nhiệm vụ cần tập trung nguồn lực chỉ đạo triển khai thực hiện như sau:

- Tiếp tục quán triệt, tổ chức thực hiện nghiêm túc, có kết quả các nhiệm vụ được giao theo chỉ đạo của: Thường trực Ban Bí thư, Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo Quốc gia về IUU và các chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và PTNT; Tỉnh ủy, UBND tỉnh; tập trung triển khai Luật Thủy sản năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật, các quy định liên quan về chống khai thác IUU; khẩn trương khắc phục ngay những tồn tại, hạn chế trong công tác chống khai thác IUU tại địa phương.

- Tập trung rà soát, khoanh vùng, lập danh sách các đối tượng, nghề khai thác, các địa bàn trọng điểm tại địa phương... đã vi phạm và có nguy cơ cao vi phạm khai thác hải sản ở vùng biển nước ngoài, để tăng cường công tác theo dõi, nắm tình hình, triển khai đồng bộ các giải pháp về dân vận cơ sở, tuyên truyền, vận động cộng đồng ngư dân và các thành phần có liên quan không thực hiện hành vi vi phạm, đề cao tinh thần ngăn chặn, tố giác các hành vi vi phạm; kiên quyết xử lý nghiêm theo quy định đối với các tổ chức, cá nhân vì lợi ích kinh tế cố tình đưa tàu cá, ngư dân đi khai thác hải sản trái phép ở vùng biển nước ngoài.

- Khẩn trương hoàn thành việc lắp đặt thiết bị giám sát hành trình tàu cá, tổ chức khai thác, vận hành, sử dụng có hiệu quả để theo dõi, giám sát tàu cá hoạt động trên biển.

- Tổ chức triển khai đúng quy định về công tác kiểm soát tàu cá ra vào cảng, kiểm soát sản lượng thủy sản bốc dỡ qua cảng đảm bảo theo chuỗi, có sự kiểm tra đối chiếu dữ liệu giữa các bên có liên quan, cơ sở dữ liệu nghề cá quốc gia VNFishbase, hệ thống giám sát hành trình tàu cá phục vụ cho công tác truy

xuất nguồn gốc thủy sản khai thác theo quy định.

- Cùng với các Bộ, ngành Trung ương có liên quan tăng cường công tác thông tin, truyền thông các quy định pháp luật về chống khai thác IUU đảm bảo kịp thời, cập nhật đầy đủ để cộng đồng ngư dân ven biển và các thành phần có liên quan tuân thủ thực hiện; kiên quyết xử lý nghiêm các hành vi khai thác IUU theo quy định tại Nghị định số 42/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

- Rà soát, bố trí đủ nguồn nhân lực về số lượng, chuyên môn, nghiệp vụ; bố trí kinh phí, đảm bảo cơ sở hạ tầng nghề cá, trang thiết bị tại các cơ quan, đơn vị có liên quan phục vụ cho công tác chống khai thác IUU.

- Chú trọng công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện; gắn trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, xử lý nghiêm tổ chức, cá nhân thiếu tinh thần, trách nhiệm.

- Chuẩn bị tốt kế hoạch, kịch bản, nội dung tiếp và làm việc với Đoàn Thanh tra của EC sang Việt Nam năm 2022 để tiếp tục kiểm tra tình hình thực hiện các khuyến nghị của EC về chống khai thác IUU tại địa phương

- Bên cạnh đó, địa phương tiếp tục rà soát, điều chỉnh các phân khu chức năng theo quy hoạch 1/2.000 và 1/500 để khai thác và quản lý tốt hạ tầng các cảng cá; hoàn chỉnh các tiêu chí để đủ điều kiện công bố mở cảng theo quy định và đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố bổ sung cảng cá chỉ định trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; hoàn chỉnh thủ tục, bổ sung chức năng cảng tổng hợp nhằm khai thác tốt hạ tầng đã đầu tư.

## **2. Kiến nghị**

Nhằm phát triển đồng bộ ngành thủy sản trên nhiều lĩnh vực về khai thác, nuôi trồng và chế biến đề nghị Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương quan tâm xem xét và tạo điều kiện giúp Kiên Giang một số vấn đề sau:

### **2.1. Chính phủ**

Bố trí vốn đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 để đầu tư các cảng cá còn lại của tỉnh, với tổng kinh phí đề nghị bổ sung 355,000 tỷ đồng (trong đó: vốn NSDP 155 tỷ đồng; vốn NSTW 200 tỷ đồng (Phụ lục đính kèm).

### **2.2. Bộ Công Thương**

Tiếp tục thực hiện công nhận “Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín” cho các doanh nghiệp đáp ứng đủ điều kiện theo quy định.

### **2.3. Bộ Tài nguyên và Môi trường**

Sớm ban hành hướng dẫn việc kiểm tra, đánh giá và xác định các điểm ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; hướng dẫn việc kiểm tra, đánh giá kết quả và xác nhận hoàn thành các biện pháp xử lý triệt để tại các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo Luật bảo vệ môi trường năm 2020.

### **2.4. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

- Trên cơ sở hoàn chỉnh các tiêu chí để đủ điều kiện công bố mở cảng theo quy định đề nghị công bố bổ sung cảng cá chỉ định trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

- Xây dựng hoàn thiện đưa vào sử dụng đồng bộ hệ thống truy xuất nguồn gốc thủy sản từ khai thác bằng điện tử (nhập ký khai thác, nhập ký thu mua chuyển tải ...)



- Nâng cấp hệ thống giám sát tàu cá để đảm bảo năng lực quản lý, theo dõi, chặt chẽ tàu cá hoạt động khai thác trên biển; tăng cường công tác phối hợp giữa các lực lượng chức năng trong điều tra, xử lý dữ liệu tàu cá qua hệ thống giám sát, xử phạt nghiêm các tàu cá vi phạm khai thác IUU.

- Kiện toàn phát triển lực lượng Kiểm ngư ở trung ương và địa phương để tăng cường thực thi pháp luật Thủy sản hiệu lực, hiệu quả, chống khai thác IUU.

- Phối hợp với Đại sứ quán Việt Nam ở nước ngoài liên hệ với nước sở tại có tàu cá và ngư dân Việt Nam vi phạm, cung cấp thông tin liên quan các bản án của các tàu cá và ngư dân Kiên Giang nói riêng bị bắt giữ.

- Chỉ đạo cho lực lượng Kiểm ngư Trung ương phối hợp với các lực lượng Cảnh sát biển, Hải quân tăng cường tuần tra, kiểm soát trên biển, nhất là khu vực giáp ranh, chồng lấn với các nước trong khu vực để giảm thiểu tình trạng tàu cá, ngư dân ta vi phạm vùng biển các nước, cũng như đảm bảo cho ngư dân yên tâm bám biển sản xuất.

- Xây dựng và triển khai Đề án chuyển đổi nghề khai thác hải sản xâm hại nguồn lợi sang các nghề khai thác hiệu quả và thân thiện.

- Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ chi phí cho ngư dân chuyển đổi sinh kế, không tiếp tục hoạt động khai thác thủy sản.

### **2.5. Bộ Quốc phòng**

Chỉ đạo các lực lượng chức năng kiểm soát chặt chẽ tàu cá trước khi xuất bến, nhập bến; tăng cường các tàu Cảnh sát biển, Hải quân thường xuyên tuần tra, kiểm soát ở các khu vực giáp ranh, khu vực chồng lấn với các nước để ngăn chặn tình trạng tàu cá, ngư dân Việt Nam vi phạm vùng biển nước ngoài, tàu cá nước ngoài vi phạm vùng biển Việt Nam, để tạo sự yên tâm cho ngư dân bám biển hoạt động sản xuất trên ngư trường truyền thống, góp phần bảo vệ chủ quyền biển, đảo, giữ gìn an ninh trật tự trên biển.

### **2.6. Bộ Công an**

Điều tra, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân môi giới, móc nối đưa tàu cá, ngư dân Việt Nam khai thác hải sản trái phép tại vùng biển nước ngoài; tổ chức, cá nhân sử dụng biển số giả, sơn tàu cá giống tàu cá nước sở tại để đi khai thác hải sản trái phép ở vùng biển nước ngoài; khởi tố hình sự một số vụ việc điển hình để răn đe.

### **2.7. Bộ Ngoại giao**

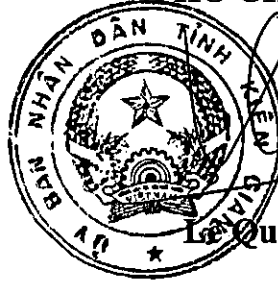
Chỉ đạo các cơ quan đại diện Ngoại giao Việt Nam ở nước ngoài cần phối hợp chặt với UBND các tỉnh để kịp thời can thiệp, giúp đỡ ngư dân trong trường hợp bị phía nước ngoài bắt giữ, xử phạt; kiên quyết đấu tranh đối với các nước sử dụng vũ lực và đe dọa sử dụng vũ lực khi bắt giữ tàu cá và ngư dân Việt Nam, bắt giữ trái phép tàu cá và ngư dân Việt Nam trên vùng biển Việt Nam, vùng biển chưa phân định, chồng lấn giữa Việt Nam và các quốc gia khác. Cung cấp cho tỉnh, lực lượng chức năng liên quan sơ đồ ranh giới vùng biển giữa Việt Nam và các nước trong khu vực để làm cơ sở cho đấu tranh, điều tra, xử lý tàu cá vi phạm vùng biển nước ngoài và hỗ trợ ngư dân hoạt động hợp pháp bị nước ngoài bắt giữ, xử lý trái phép.

Trên đây là Báo cáo việc thực hiện chính sách pháp luật về quản lý nuôi, chế biến thủy sản và kiểm soát khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định giai đoạn 2018- 2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, phục vụ cho giám sát của Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường – Quốc hội khoá XV. *Đến*

**Nơi nhận:**

- UB KHCN&MT- QH khóa XV;
- Đoàn Giám sát;
- Đoàn Đại biểu QH tỉnh;
- TT. Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh;
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- Các sở, ngành TV BCD về chống khai thác IUU tỉnh;
- UBND các huyện, TP;
- LĐVP, Phòng: KT, TH;
- Lưu: VT, tvhung.

**KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH //**



*hl*  
**Lê Quốc Anh**

KIÊN GIANG



**Phụ lục**  
**Kế hoạch nhu cầu kinh phí đầu tư công**  
**trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngành nông nghiệp**

*Đơn vị tính: tỷ đồng*

| STT | Dự án đầu tư                                                                                                  | Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 |                |                |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|----------------|----------------|
|     |                                                                                                               | Tổng số                                            | NSDP           | NSTW           |
| 1   | Dự án Đầu tư xây dựng khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá kết hợp nâng cấp, mở rộng Cảng cá đảo Thổ Châu (*) | 257,980                                            |                | 257,980        |
| 2   | Dự án Đầu tư xây dựng nâng cấp cảng cá Xẻo Nhàu, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.                              | 50,000                                             | 50,000         |                |
| 3   | Dự án Đầu tư xây dựng nâng cấp Cảng cá Tắc Cậu giai đoạn 3, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang                 | 90,000                                             | 90,000         |                |
| 4   | Dự án Đầu tư xây dựng nâng cấp Cảng cá An Thới, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang                               | 15,000                                             | 15,000         |                |
| 5   | Dự án Đầu tư xây dựng công trình Cảng cá Linh Huỳnh, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang                           | 200,000                                            |                | 200,000        |
|     | <b>Tổng cộng</b>                                                                                              | <b>612,980</b>                                     | <b>155,000</b> | <b>457,980</b> |

(\*) *Vốn bố trí thực tế giai đoạn 2016-2021: 50,434 tỷ đồng, đã kiến nghị Bộ KH và ĐT điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025, bổ sung cho Dự án Đầu tư xây dựng khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá kết hợp nâng cấp, mở rộng Cảng cá đảo Thổ Châu: 202,980 tỷ đồng (tại Công văn số 1928/UBND-KT ngày 15/10/2021 của UBND tỉnh).*